

**PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC
MÔN NGỮ VĂN**

KHỐI 8.

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

ĐỢT 1

(6/9/2021- 18/9/2021)

1. HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC MÔN NGỮ VĂN 8

I. Cấu trúc và nội dung chương trình

- Các chủ đề chuyên từ tích hợp về nội dung sang chủ đề tích hợp các phân môn (HK1: chủ đề Truyện kí Việt Nam hiện đại 1930- 1945, chủ đề văn bản nhật dụng; HK2: Chủ đề: Thơ mới , Văn nghị luận trung đại)
- Các bài giảm tải sẽ được lồng ghép trong các bài học/chủ đề hoặc tiết đọc sách
- Một số bài có nội dung gần gũi sẽ được dạy liền nhau để HS tiện theo dõi khi học online

II. Những chú ý khi HS học Ngữ văn khi không tham gia học trực tuyến

1. Nắm được yêu cầu cần đạt của bài học/chủ đề

2. Đọc kĩ các nội dung trong SGK

- Trả lời các câu hỏi gợi ý tìm hiểu bài
- Tự tóm tắt nội dung kiến thức cơ bản rồi đối chiếu với nội dung kiến thức tổng kết của giáo viên.

3. Hoàn thành các phiếu bài tập

* Chú ý mỗi phân môn vẫn có đặc trưng riêng:

- *Văn bản*:

+ Nội dung văn bản

+ Nghệ thuật thể hiện nội dung (chú ý đặc trưng thể loại)

- *Tiếng Việt*: đọc trước nội dung bài học; phân tích ngữ liệu để hình thành khái niệm, kiến thức trọng tâm; thực hành luyện tập (có thể thực hành trên sách hoặc vào vở bài tập)

- *Tập làm văn*: phân tích ngữ liệu, đúc kết kiến thức trọng tâm. Rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn, bài văn.

4. Gửi những thắc mắc, phản hồi cho GV sau khi tự học qua phiếu hướng dẫn tự học

2. TIẾNG VIỆT

TRƯỜNG TỪ VỰNG

* YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Hiểu được thế nào là trường từ vựng, biết xác lập các trường từ vựng đơn giản.
- Bước đầu hiểu được mối liên quan giữa các trường từ vựng với các hiện tượng ngôn ngữ đó học như đồng nghĩa, trái nghĩa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá...giúp ích cho việc học văn và làm văn.
- Sử dụng các trường từ vựng vào quá trình tạo lập văn bản, đặc biệt là văn bản viết

1. Phiếu hướng dẫn HS tự học

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Hoạt động 1: Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu.</p> <p>HS đọc tài liệu học tập, nắm được khái niệm và các lưu ý</p>	<p>I. Trường từ vựng là gì?</p> <p>1. Khái niệm: Trường từ vựng là tập hợp những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.</p> <p><u>Ví dụ:</u></p> <p>Các từ <i>mặt, mắt, mũi, má, tay chân, ngón chân, ngón tay, tóc, đầu gối,...</i> được xếp vào trường từ vựng <i>các bộ phận của cơ thể người.</i></p> <p>2. Những lưu ý:</p> <p>a. Một trường từ vựng có thể bao gồm nhiều trường từ vựng nhỏ hơn.</p> <p><u>Ví dụ:</u></p> <p>Trường từ vựng chỉ người có thể được chia thành các trường từ vựng nhỏ hơn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghề nghiệp: <i>giáo viên, bác sĩ, kĩ sư,...</i> + Giới tính: <i>nam, nữ, con trai, con gái, đàn ông, đàn bà,...</i> + Hoạt động: <i>suy nghĩ, tư duy, đọc, viết,...</i> + Tính cách: <i>ngoan, hiền, lễ phép,...</i> <p>b. Một trường từ vựng có thể bao gồm những từ khác biệt nhau về từ loại.</p> <p><u>Ví dụ:</u></p> <p>Trường từ vựng “<i>cá</i>” có thể có các từ như sau: <i>boi, lặn</i> (động từ), <i>vi, vảy, đuôi, mang</i> (danh từ),...</p> <p>c. Do hiện tượng nhiều nghĩa, một từ có thể thuộc nhiều trường từ vựng khác nhau.</p> <p><u>Ví dụ:</u></p> <p>Từ “<i>lành</i>” thuộc các trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trường từ vựng chỉ tính cách con người (cùng trường với:

	<p><i>hiền, hiền hậu, ác, độc ác,...)</i></p> <p>+ Trùng từ vựng chỉ tính chất sự vật (cùng trùng với: <i>nguyên vẹn, mẹ, vỡ, rách,...</i>).</p> <p>+ Trường từ vựng chỉ tính chất món ăn (cùng trường với: <i>bổ, bổ dưỡng, độc,...</i>).</p> <p>d. Trong thơ văn cũng như trong cuộc sống hằng ngày, người ta thường dùng cách chuyển trường từ vựng để tăng tính nghệ thuật của ngôn từ và khả năng diễn đạt (phép nhân hoá, ẩn dụ, so sánh,...).</p> <p><u>Ví dụ:</u></p> <p><i>Trong làng tôi không thiếu gì các loại cây, nhng hai cây phong này khác hẳn – chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu.</i></p> <p style="text-align: right;">(Ai-ma-tốp)</p> <p>=> Các từ gạch chân được chuyển từ trường từ vựng “ người” sang trường từ vựng “cây” để nhân hoá.</p>
<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p>II. Luyện tập</p>

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

<p>Bài 1: Tìm hai nhóm từ thuộc hai trường từ vựng có trong câu văn sau:</p> <p><i>“Dương Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghi trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh, hùng vĩ.”.</i></p> <p>Bài 2: Tìm các từ thuộc trường từ vựng <i>phong cảnh đất nước</i> trong đoạn thơ :</p> <p style="text-align: center;"><i>Trời xanh đây là của chúng ta Núi rừng đây là của chúng ta Những cánh đồng thơm mát Những ngả đường bát ngát Những dòng sông đỏ nặng phù sa Nước chúng ta Nước những người chưa bao giờ khuất Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất Những buổi ngày xưa vọng nói về.</i></p> <p style="text-align: right;">(Đất nước - Nguyễn Đình Thi)</p> <p>Bài 3: Cho đoạn văn sau :</p>

"... Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc..."

(Lão Hạc - Nam Cao)

- a. Tìm trong đoạn trích những từ thuộc trường từ vựng bộ phận cơ thể người.
- b. Chỉ ra những từ tượng hình có trong đoạn trích trên.

*** Gợi ý:**

Bài 1:

- Trường từ vựng về hành động: *cấn chặt, bạnh ra, nảy lửa.*
- Trường từ vựng về bộ phận con người: *bấp thịt, hàm răng, quai hàm, cặp mắt.*

Bài 2: Trường từ vựng *phong cảnh đất nước*: trời xanh, núi rừng, cánh đồng, ngã đường, dòng sông...

Bài 3:

- a) Những từ thuộc trường từ vựng bộ phận cơ thể người: mặt, đầu, miệng,
- b) Những từ tượng hình có trong đoạn trích trên: co rúm, ngoẹo, móm mém.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Bài 1: Có bao nhiêu trường từ vựng trong đoạn văn sau:

“Vào đêm trước ngày khai trường của con, mẹ không ngủ được. Một ngày kia, còn xa lắm, ngày đó con sẽ biết thế nào là không ngủ được. Còn bây giờ giấc ngủ đến với con dễ dàng như uống một ly sữa, ăn một cái kẹo. Gương mặt thanh thoát của con tựa nghiêng trên gối mềm, đôi môi hé mở và thỉnh thoảng chúm lại như đang mút kẹo.”

Bài 2: Từ “nghe” trong câu sau đây thuộc trường từ vựng nào?

Nhà ai vừa chín quả đầu

Đã nghe xóm trước vườn sau thơm lừng.

Bài 3: Các từ sau đây đều nằm trong trường từ vựng động vật, em hãy xếp chúng vào những trường từ vựng nhỏ hơn.

- gà, trâu, vuốt, nanh, đực, cái, kêu rống, xé, nhai, hót, gặm, đầu, mõm, sữa, gáy, lợn, mái, bò, đuôi, hú, rú, mõ, gấu, khi, gặm, cá, nhấm, chim, trống, cánh, vây, lông, vuốt.

*** Gợi ý:**

Bài 1: - Trường từ vựng quan hệ ruột thịt : Mẹ, con.

- Trường từ vựng hoạt động của người: Ngủ, uống, ăn.
- Trường từ vựng hoạt động của mỗi người: Hé mở, chúm, mút.

Bài 2: Ở câu thơ này do phép chuyển nghĩa ẩn dụ, nên từ nghe thuộc trường từ vựng khứu giác.

Bài 3:

- Trường từ vựng giống loài: gà, lợn, chim, cá, trâu, bò, khi, gấu.
- Trường từ vựng giống: đực, cái, trống, mái.

- Trường từ vựng bộ phận cơ thể của động vật: vuốt, nanh, đầu, mõm, đuôi, vây, lông.
- Trường từ vựng tiếng kêu của động vật: Kêu, rống, gầm, sủa, gáy, hí, rú.
- Trường từ vựng hoạt động ăn của động vật: xé, nhai, mổ, gặm, nhấm, nuốt.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Bài 1: Tìm các từ thuộc các trường từ vựng sau: Hoạt động dùng lửa của người; trạng thái tâm lí của người; trạng thái chưa quyết định dứt khoát của người; tính tình của người; các loài thú đã được thuần dưỡng.

Bài 2: Các từ được in đậm trong bài thơ sau thuộc trường từ vựng nào?

Chàng **Cóc** ơi! Chàng **Cóc** ơi!
 Thiếp **bén** duyên chàng có thể thôi
 Nòng **nọc** đứt đuôi từ đây nhé
 Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi
 Hồ Xuân Hương

Bài 3: Viết đoạn văn có sử dụng trường từ vựng “ Trường học”

* **Gợi ý:**

Bài 1:

- Hoạt động dùng lửa của người: châm, đốt, nhen, nhóm, bật, quẹt, vùi, quạt, thổi, dụi...
- Trạng thái tâm lí của người: vui, buồn, hờn, giận...
- Trạng thái chưa quyết định dứt khoát của người: lưỡng lự, do dự, chần chừ...
- Tính tình của người: vui vẻ, cần cù, hiền, dữ...
- Các loài thú đã được thuần dưỡng: trâu, bò, dê, chó...

Bài 2: Thuộc trường từ vựng: Động vật thuộc loài ếch nhái.

Bài 3: Trường từ vựng trường học: Lớp học, thầy giáo, cô giáo, học sinh....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Bài 1: Cho đoạn văn sau:

Cũng như tôi, mấy cậu học trò bờ ngõ đứng nép bên người thân, chỉ dám nhìn một nửa hay dám đi từng bước nhẹ. Họ như con chim đứng bên bờ tổ, nhìn quãng trời rộng muốn bay, nhưng còn ngập ngừng e sợ. Họ thèm vụng và ước ao được như những người học trò cũ, biết lớp, biết thầy để khỏi phải rụt rè trong cảnh lạ.

(Thanh Tịnh)

Hãy tìm các từ ngữ thuộc trường từ vựng:

- _ Người.
- _ Chim.
- _ Trường học.

Bài 2: Các từ gạch chân dưới đây thuộc trường từ vựng nào?

Hết **co** lên một chân, các cậu lại **đuôi** mạnh nh **đu** một quả ban tổng tọng. Chính lúc này toàn thân các cậu cũng đang run run theo nhịp **bước** rộn ràng trong các lớp.

(Thanh Tịnh)

Bài 3: Cho đoạn văn sau:

Sau giây phút hoàn hồn, con chim quay đầu lại, giương đôi mắt đen tròn, trong veo nh hai hạt còm nhỏ lặng nhìn Vinh tha thiết. Những âm thanh trầm bổng, riu riu hoà quyện trong nhau vừa quen thân vừa kì lạ. Con chim gật đầu chào Vinh rồi nh một tia chớp tung cánh vụt về phía rừng xa thẳm.

(Châu Loan)

- Các từ “trầm bổng, quen thân” thuộc loại từ nào?
- Các từ “tha thiết, riu riu” thuộc loại từ nào?
- Câu “Con chim gật đầu chào Vinh rồi như một tia chớp tung cánh vụt về phía rừng xa thẳm” sử dụng các biện pháp tu từ nào?
- Tìm các từ ngữ thuộc trường từ vựng “người”. Các từ đó được dùng theo phép tu từ nào?

* **Gợi ý:**

Bài 1: Một số từ thuộc các trường từ vựng:

_ Người: cậu, học trò, người thân, thấy, bờ ngõ, đứng, nhìn,...

_ Chim: tổ, bay, nhìn,...

_ Trường học: học trò, lớp, thầy,...

Bài 2: Các từ in đậm trong đoạn văn đã cho thuộc trường từ vựng: *hoạt động của chân*.

Bài 3:

- Từ ghép đẳng lập.
- Từ láy.
- Biện pháp tu từ: nhân hoá, so sánh.
- Các từ ngữ thuộc trường từ vựng “người”: *hoàn hồn, quay đầu lại, giương đôi mắt, lặng nhìn, tha thiết, gật đầu chào*. Các từ đó được dùng theo phép tu từ nhân hoá.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Câu 1: Tìm các từ thuộc trường từ vựng “*phong cảnh đất nước*” trong đoạn thơ sau:

Trời xanh đây là của chúng ta

Núi rừng đây là của chúng ta

Những cánh đồng thơm mát

Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông đỏ nặng phù sa

Nước chúng ta

Nước những người cha bao giờ khuất

*Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xa vọng nói về.*
(Nguyễn Đình Thi)

Câu 2: Tìm các từ cùng trường nghĩa với từ đau đớn. Gọi tên cho những từ này.

“Nước mắt tôi ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ. Nhưng không phải vì thấy mẹ tôi cha đoạn tang thầy tôi mà chửa để với người khác mà tôi có cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ, tôi căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi để sinh nở một cách dấu diếm.”

Câu 3: Tìm các từ ngữ thuộc hai trường nghĩa : cây cọ và vật dụng làm từ cây cọ.

« Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ. Cha làm cho tôi chiếc chổi cọ để quét nhà quét sân. Mẹ lại đựng hạt giống đầy nón lá cọ treo lên gác bếp để gieo cấy mùa sau. Chị tôi đan nón lá cọ, lại đan cả mảnh cọ và bán cọ xuất khẩu. Chiều chiều chăn trâu chúng tôi rủ nhau đi nhặt những trái cọ rơi đầy quanh gốc cọ về om.”

Câu 4: Tìm các từ thuộc trường nghĩa chỉ hoạt động của chim.

“Càng đến gần, những đàn chim đen bay kín trời, cuốn theo sau những luồng gió buốt làm tôi rói lên hoa cả mắt. Mỗi lúc lại nghe rõ từng tiếng chim kêu náo động như tiếng xóc những rổ tiền đồng. Chim đậu chen nhau trắng xoá trên những cây chà là chim công cộc đứng trong tổ v-
on cánh, chim gà đầy đầu hói như những ông thầy tu trầm tư rụt cổ nhìn xuống chân nhiều con chim lạ rất to đậu đến quần nhánh cây .”

*** Gợi ý:**

Câu 1: Trường từ vựng “*phong cảnh đất nước*”: trời xanh, núi rừng, cánh đồng, ngã đường, dòng sông.

Câu 2: Các từ cùng trường nghĩa với từ đau đớn là: sợ hãi, thương, căm tức - trường tâm trạng, tình cảm của con người .

Câu 3: Các từ cùng trường nghĩa cây cọ là: Chổi cọ, nón lá cọ, mảnh cọ, lán cọ

Câu 4: Các từ thuộc trường nghĩa hoạt động của loài chim là: Bay, kêu, đậu, chen, vờn, rụt cổ, nhìn, đứng

2. Những nội dung HS cần giải đáp

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A:	1.
....	Phần B:	2.
		3.

3. Chủ đề 1: Truyện kí Việt Nam hiện đại (1930-1945)

3.1. Văn bản: TÔI ĐI HỌC (Thanh Tịnh)

* YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Giúp học sinh:

+ Cảm nhận được tâm trạng bơ ngỡ, những cảm giác mới lạ của nhân vật “tôi” ở lần tựu trường đầu tiên.

+ Thấy được ngòi bút văn xuôi giàu chất thơ, gợi dư vị trữ tình man mác của Thanh Tịnh.

1. Phiếu hướng dẫn HS tự học

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Hoạt động 1: Đọc văn bản và chú thích. Sau đó thực hiện các yêu cầu.</p> <p>- Trình bày hiểu biết của em về tác giả Thanh Tịnh ?</p> <p>- Nêu xuất xứ của tác phẩm?</p> <p>- Hãy xác định: Thể loại, PTBD của VB?</p> <p>- Nhận xét về cách dùng từ ngữ của tác giả khi diễn tả cảm xúc?</p> <p>- Tìm những chi tiết thể</p>	<p>I. ĐỌC – HIỂU CHÚ THÍCH</p> <p>1. Tác giả, Thanh Tịnh (1911-1988) quê ở Huế.</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Xuất xứ Truyện ngắn Tôi đi học in trong tập "Quê mẹ " (1941).</p> <p>b. Đọc – chú thích</p> <p>c. Bố cục văn bản: 3 phần + <u>Phần 1</u>: “Từ đầu. .. trên ngọn núi”: Tâm trạng, cảm giác nhân vật “tôi” trên con đường cùng mẹ đến trường. + <u>Phần 2</u>: “Trước sân trường ... lại được nghỉ cả ngày nữa”: Tâm trạng, cảm giác của “tôi” khi đến trường. + <u>Phần 3</u>: đoạn còn lại: “tôi” đón nhận giờ học đầu tiên.</p> <p>d. Thể loại và phương thức biểu đạt</p> <p>- Thể loại : truyện ngắn - PTBD: tự sự + biểu cảm</p> <p>II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN</p> <p>1. Trình tự diễn tả những kỉ niệm của nhà văn</p> <p>Các từ láy: náo nức, mơn man, tung bừng, rộn rã” ->diễn tả những rung động thiết tha , vô cùng tươi trẻ và trạng thái êm ái, nhẹ nhàng trong tâm hồn</p> <p>* Các cụm từ lặp lại như những điệp khúc->khẳng định sức sống lâu bền của kỉ niệm</p> <p>* Cách so sánh và nhân hóa giàu hình ảnh, giàu sức gợi cảm được gắn với cảnh sắc thiên nhiên tươi sáng -> vừa diễn tả cụ thể những cảm giác đẹp đẽ, trong sáng trong tâm hồn cậu học trò nhỏ, vừa tạo nên chất thơ tươi tắn, man mác</p> <p>2. Diễn biến tâm trạng nhân vật “tôi” trong buổi tựu trường</p>

<p>hiện cảm nhận của nhân vật “tôi” khi đến trường? (Về ngôi trường, các bạn..)</p> <p>- Những người lớn xuất hiện trong văn bản này là ai?</p> <p>- Thái độ, cử chỉ của người lớn đối với các em trong ngày khai trường được diễn tả như thế nào ?</p> <p>- Truyện được xây dựng theo bố cục như thế nào ?</p> <p>- Nhận xét nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của truyện? Sức cuốn hút của tác phẩm được tạo nên từ đâu ?</p> <p>- Theo em ngày khai trường đầu tiên có ý nghĩa như thế nào trong cuộc đời mỗi con người?</p>	<p>đầu tiên</p> <ul style="list-style-type: none"> * Trên con đường cùng mẹ tới trường - Con đường vốn quen đi lại tự nhiên thấy lạ. - Cảnh vật chung quanh thay đổi - Cảm thấy trang trọng, đứng đắn <p>=> Cảm giác mới mẻ, bỡ ngỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> * Khi đến trường - bấn khoăn, lo lắng - E ngại. - Hồi hộp, lúng túng, vụng về. - Sợ sệt <p>=> Tâm trạng hồi hộp, cảm giác mới lạ xen lẫn một chút lo sợ,</p> <ul style="list-style-type: none"> * Khi vào lớp học - Những cảm giác lạ và quen đan xen nhau rất tự nhiên xua tan nỗi sợ hãi, nhanh chóng hoà nhập vào thế giới kì diệu của nhà trường <p>=> Vừa bỡ ngỡ, vừa tự tin, nghiêm trang</p> <p>3. Tình cảm của mọi người đối với những em bé lần đầu tiên đến trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - quan tâm chu đáo, - từ tốn, bao dung - vui tính, giàu tình cảm <p>=> Tất cả đều chứa chan tình yêu thương và trách nhiệm đối với con trẻ</p> <p>III Ghi nhớ: SGK/ 9</p> <p>1. Nghệ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện được bố cục theo đúng hồi tưởng, cảm nghĩ của nhân vật theo trình tự thời gian của buổi tựu trường. - Sự kết hợp hài hoà giữa kể, tả và bộc lộ cảm xúc. - Tình huống truyện độc đáo, chứa đựng cảm xúc thiết tha - Cách so sánh giàu chất trữ tình. <p>2. Nội dung:</p> <p>Tôi trạng và cảm giác của nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên.</p> <p>3. Ý nghĩa:</p> <p>Ngày khai trường là cái mốc đánh dấu bước ngoặt sự trưởng thành của mỗi con người nên thường được ghi nhớ mãi.</p>
---	---

<p>Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</p>	<p style="text-align: center;"><u>PHIẾU HỌC TẬP</u></p> <p>Câu 1 (1): Văn bản <i>Tôi đi học</i> được viết theo phương thức biểu đạt nào?</p> <p>A. Tự sự B. Biểu cảm C. Tự sự kết hợp biểu cảm D. Miêu tả kết hợp biểu cảm</p> <p>Câu 2 (1): Những kỉ niệm về ngày tựu trường hiện về trong nhân vật tôi trong hoàn cảnh thời gian và không gian nào?</p> <p>A. Cuối hè B. Đầu thu C. Cuối thu</p> <p>Câu 3 (2): Trên con đường cùng mẹ tới trường nhân vật “tôi” có tâm trạng, cảm xúc như thế nào ?</p> <p>Câu 4 (2): Em cảm nhận được gì về thái độ, cử chỉ của người lớn (ông đốc, thầy giáo, các phụ huynh) đối với các em bé lần đầu đi học?</p> <p>Câu 5 (1) : Ghi lại đoạn văn em thích nhất trong văn bản <i>Tôi đi học của Thanh Tịnh</i>.</p>
---	--

2. Những nội dung HS cần giải đáp

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục I: Phần II:	1. 2. 3.

3.2 .Văn bản: TRONG LÒNG MẸ
(Trích Những ngày thơ ấu)
-Nguyễn Hồng-

*** YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Hiểu biết về tác giả và tác phẩm.
- Cảm nhận được tình yêu thương của cậu bé trong câu chuyện và cảm thông cho số phận người phụ nữ trước những định kiến của xã hội cũ.
- Thấy được tác dụng của các yếu tố miêu tả và biểu cảm trong tự sự.
- Trình bày được quan điểm, suy nghĩ riêng về một tình mẫu tử thiêng liêng.

1. Phiếu hướng dẫn HS tự học

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG CẦN ĐẠT
<p>Hoạt động 1: Đọc chú thích , văn bản và thực hiện các yêu cầu.</p> <p>Yêu cầu HS đọc chú thích và nắm được các nét cơ bản về Tác giả , xuất xứ tác phẩm, phương thức biểu đạt được sử dụng.</p> <p>Yêu cầu HS đọc toàn bộ văn bản, nêu được PTBD, nội dung của văn bản và chuỗi sự việc trong văn bản.</p> <p><u>(HS có thể trình bày bằng sơ đồ)</u></p> <p>Hs tìm được những chi tiết thể</p>	<p>I. Đọc - hiểu chú thích</p> <p>1. Tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Hồng(1918 -1982) - Ông viết về những người cùng khổ, gần gũi mà ông yêu thương. <p>2. Tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích nằm trong chương 4 của tập hồi kí Những ngày thơ ấu gồm 9 chương. - Thể loại: Hồi kí - Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm. <p>Thực hành phiếu học tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu những nét tiêu biểu về tác giả. - Nêu những hiểu biết về tác phẩm? - Nhận xét về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục của đoạn trích? -Nêu được nội dung, chủ đề chính của văn bản. <p>II. Đọc - Hiểu văn bản:</p> <p>1. Người cô trong cuộc đối thoại với bé Hồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi ý cho bé Hồng vào thăm mẹ, cười rất kịch - Ý nghĩ cay độc muốn gieo rắc những hoài nghi để bé Hồng kinh miệt, ruồng rẫy mẹ. <p>→Tâm địa độc ác, lạnh lùng, mất hết tình người.</p> <p>2. Tình yêu thương của Hồng đối với mẹ</p>

hiện sự cay độc của người cô và tình yêu thương của cậu bé dành cho mẹ (SGK)

- Toan trả lời cô, cúi đầu không đáp, không muốn vào thăm mẹ
 - Giấu kín tình cảm và suy nghĩ của mình
- Yêu thương mẹ sâu sắc, mãnh liệt
- 3. Cảm giác khi gặp mẹ và ở trong lòng mẹ**
- cuống quýt đuổi theo, gọi bồi rối
 - Thở hồng hộc, trán đầm mồ hôi, ríu cả chân, khóc nức nở
- => mong gặp mẹ, khao khát tình mẹ, xúc động hồi hộp xen lẫn sung sướng.
- niềm vui sướng hạnh phúc tột đỉnh của đứa con xa mẹ, khao khát tình mẹ nay đã được thỏa nguyện.

HS hoàn thành Phiếu học tập - bảng so sánh

Phiếu học tập 1 (1)	
Nhận xét cách cư xử của người cô đối với cháu mình	Nhận xét cách cư xử của người cháu đối với cô mình.

* ghi nhớ sgk/21

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật:

- + Có lập luận chặt chẽ
- + Có chứng cứ cụ thể, xác thực
- + Sử dụng NT so sánh sắc sảo, giàu sức thuyết phục.

2. Nội dung:

- + Chiến tranh hạt nhân đang đe dọa toàn thể loài người và mọi sự sống trên trái đất.
- + Vì vậy, nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là đấu tranh để loại bỏ nguy cơ ấy-> Giữ gìn ngôi nhà chung của trái đất, bảo vệ môi trường sống bình yên.

Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.

Phiếu học tập 2

1. Hoàn thiện bài tập sau và nộp về giáo viên chấm

<p>HS đọc lại văn bản, suy ngẫm để tìm ra vấn đề mình muốn phát biểu cảm nghĩ</p>	<p>điểm</p> <p><i>Em có cảm nhận như thế nào về những kỉ niệm của tuổi thơ qua hai văn bản “ Tôi đi học” và “Trong lòng mẹ”</i></p> <p style="text-align: center;">Phiếu học tập 3</p> <p>Viết đoạn văn cảm nhận về tình cảm của người thân dành cho mình.</p> <p>Gợi ý:</p> <p>Em cảm động nhất với tình cảm của ai trong gia đình? Những việc làm, những hành động nào của người thân ấy khiến em nhớ mãi?</p> <p>Nếu không còn được gặp người thân ấy nữa em sẽ cảm thấy như thế nào?</p>
---	--

2. Những nội dung HS cần giải đáp

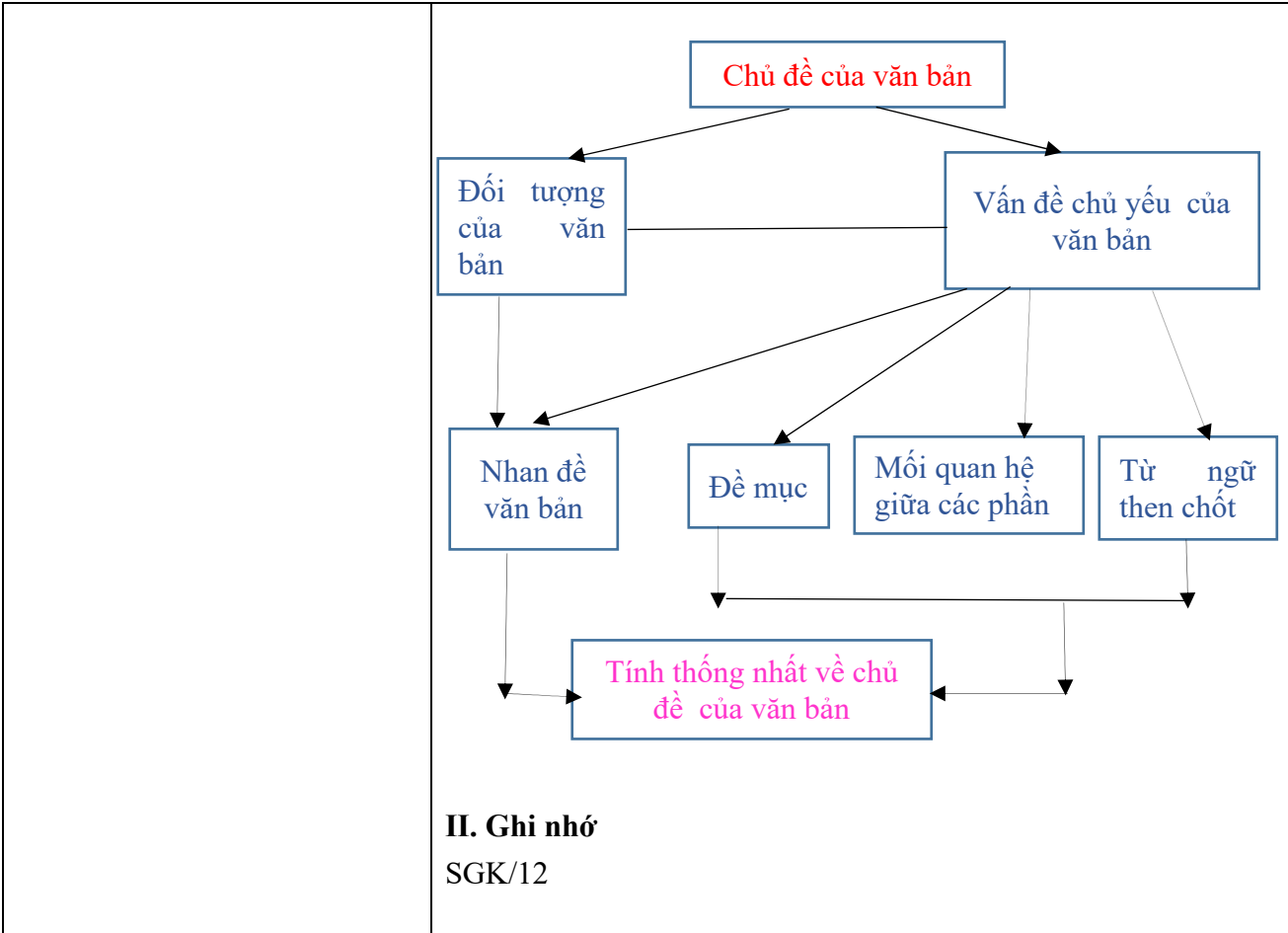
Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

	tự trường đầu tiên)	
	Tìm các từ ngữ chứng tỏ tâm trạng đó in sâu trong lòng nhân vật “Tôi”	
	<p> Tìm những từ ngữ, chi tiết nêu bật cảm giác mới lạ xen lẫn bờ ngỡ của nhân vật tôi khi <u>cùng mẹ đi đến trường, ở trên sân trường, khi ngồi trong lớp học</u> (so sánh sự khác biệt về cảm giác của nhân vật “Tôi” ở những thời điểm đó). </p>	
	Các chi tiết, các phương tiện ngôn từ trong văn bản mà em vừa tìm được đều tập trung tô đậm cảm giác gì của nhân vật “tôi”?	
	<p>b. Nhận xét</p> <p>Cách trình bày các yếu tố trên đã thể hiện tính thống nhất về chủ đề của văn bản: Khắc họa và tô đậm tâm trạng nhân vật “tôi” ngày đầu tiên đi học.</p>	
Hs nắm được tính thống nhất về chủ đề của 1 văn bản qua sơ đồ khái quát		



Hoạt động 2: Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học

Lưu ý kí hiệu phiếu học tập
Kí hiệu (1): câu nhận biết
Kí hiệu (2): câu thông hiểu

Học sinh đọc kĩ văn bản và trả lời các câu hỏi (có thể dựa vào phần gợi ý)

Phiếu học tập 3 (2)

Phân tích tính thống nhất về chủ đề của văn bản sau theo những yêu cầu bên dưới.

Rừng cọ quê tôi

Chẳng có nơi nào đẹp như sông Thao quê tôi, rừng cọ trập trùng.

Thân cọ vút thẳng trời hai ba chục mét cao, gió bão không thể quật ngã. Búp cọ vượt dài như thanh kiếm sắc vung lên. Cây non vờn trời, lá đã xò sát mặt đất. Lá cọ tròn xò ra nhiều phiến nhọn dài, trông xa như một rừng tay vẫy, trưa hè lấp lóa nắng như rừng mặt trời mới mọc. Mùa xuân, chim chóc kéo về từng đàn. Chỉ nghe tiếng hót líu lo mà không thấy bóng chim đâu.

Căn nhà tôi ở núp dưới rừng cọ. Ngõ trường tôi học cũng khuất trong rừng cọ. Ngày ngày đến lớp, tôi đi trog rừng cọ. Ngày ngày đến lớp, tôi đi trong rừng cọ. Không đếm được có bao nhiêu tàu lá cọ xò ô lợp kín trên đầu. Ngày nắng,

*bóng râm mát rượi. Ngày mưa, cũng chẳng ướt đầu.
Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây cọ. Cha làm cho tôi chiếc
chổi cọ để quét nhà, quét sân. Mẹ đựng hạt giống đầy móm
lá cọ, treo lên gác bếp để gieo cấy mùa sau. Chị tôi đan nón
lá cọ, lại biết đan cả màn cọ và làn cọ xuất khẩu. Chiều
chiều chẵn trâu, chúng tôi rủ nhau đi nhặt những trái cọ rơi
đầy quanh gốc về om, ăn vừa béo vừa bùi.*

Quê tôi có câu hát:

Dù ai đi ngược về xuôi

Cơm nắm lá cọ là người sông Thao.

Người sông Thao đi đâu rồi cũng nhớ về rừng cọ quê mình.

(Nguyễn Thái Vân)

a. Cho biết văn bản trên viết về đối tượng nào và viết về vấn đề gì? Các đoạn văn đã trình bày đối tượng và vấn đề theo trình tự nào? Theo em, có thể thay đổi trình tự sắp xếp này được không? Vì sao? (Gợi ý: chú ý vào nhan đề, bố cục văn bản)

b. Nêu chủ đề của văn bản trên.

c. Chủ đề ấy được thể hiện trong toàn văn bản, từ việc miêu tả rừng cọ đến cuộc sống của người dân. Hãy chứng minh điều đó. (Gợi ý: Thể hiện qua các ý lớn trong phần thân bài và trình tự sắp xếp của chúng)

d. Tìm các từ ngữ, các câu tiêu biểu thể hiện chủ đề của văn bản. (gợi ý: những từ ngữ được lặp lại trong văn bản, những câu văn)

Phiếu học tập 4 (2)

Một bạn dự định viết một số ý sau cho bài văn chứng minh luận điểm : “ Văn chương làm cho tình yêu quê hương đất nước trong ta thêm phong phú và sâu sắc “. Hãy khoanh vào những ý nào em cho là lạc đề

a. Văn chương làm cho những hiểu biết của ta về quê hương đất nước thêm phong phú, sâu sắc.

b. Văn chương lấy ngôn từ làm phương tiện biểu hiện

c. Văn chương làm ta thêm tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, về truyền thống tốt đẹp của ông cha ta

d. Văn chương giúp ta yêu cuộc sống , yêu cái đẹp.

e. Văn chương nung nấu trong ta lòng căm thù bọn giặc cướp nước, bọn bán

nước và hun đúc ý chí quyết tâm hi sinh bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc .

2. Những nội dung HS cần giải đáp

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A: Phần B:	1. 2. 3.

3.4.TẬP LÀM VĂN

BỐ CỤC TRONG VĂN BẢN

* YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nắm được yêu cầu của văn bản về bố cục.
- Biết cách xây dựng bố cục văn bản mạch lạc, phù hợp với đối tượng phản ánh, ý đồ giao tiếp của người viết và nhận thức của người đọc.
- Sắp xếp các đoạn văn trong bài theo một bố cục nhất định.
- Vận dụng kiến thức về bố cục trong việc đọc – hiểu văn bản.

1. Phiếu hướng dẫn HS tự học

HOẠT ĐỘNG	NỘI DUNG CẦN ĐẠT												
<p>Hoạt động 1: Đọc tài liệu trong sgk và thực hiện các yêu cầu.</p> <p>* Yêu cầu HS đọc văn bản <i>Người thầy đạo cao đức trọng</i> trong sách giáo khoa trang 24 và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu.</p> <table border="1"><thead><tr><th colspan="2">Phiếu học tập 1(1)</th></tr><tr><th>Câu hỏi</th><th>Nội dung trả lời</th></tr></thead><tbody><tr><td>Bố cục và giới hạn từng phần</td><td>.....</td></tr><tr><td>Nhiệm vụ từng phần</td><td>.....</td></tr><tr><td>Mối quan hệ giữa các phần</td><td>.....</td></tr><tr><td>Bài học rút ra từ văn bản</td><td>.....</td></tr></tbody></table> <p>HS hoàn thành Phiếu học tập qua bảng thông kê sự việc.</p> <p>* Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none">- Văn bản trên chia ra làm 4 đoạn.+ Đoạn I: Giới thiệu thầy Chu Văn An là một thầy giáo giỏi, tính tình cứng cỏi, không màng danh lợi.+ Đoạn II: Làm rõ nghĩa vấn đề giỏi, sự cứng cỏi, không màng danh lợi.+ Đoạn III: Tiếp tục làm rõ vấn đề giỏi, sự	Phiếu học tập 1(1)		Câu hỏi	Nội dung trả lời	Bố cục và giới hạn từng phần	Nhiệm vụ từng phần	Mối quan hệ giữa các phần	Bài học rút ra từ văn bản	<p>I. Bài học</p> <p>1. <u>Bố cục của văn bản</u> Bố cục của văn bản là sự tổ chức các đoạn văn để thể hiện chủ đề.</p> <p>2. <u>Bố cục 3 phần của văn bản</u> Văn bản thường có bố cục ba phần là mở bài, thân bài, kết bài. Mỗi phần có chức năng và nhiệm vụ riêng tùy thuộc vào kiểu văn bản, chủ đề và ý đồ giao tiếp của người viết, phù hợp với sự tiếp nhận của người đọc.</p>
Phiếu học tập 1(1)													
Câu hỏi	Nội dung trả lời												
Bố cục và giới hạn từng phần												
Nhiệm vụ từng phần												
Mối quan hệ giữa các phần												
Bài học rút ra từ văn bản												

cứng cỏi, khiêm khắc của thầy Chu Văn An.

+ Đoạn IV: Tình cảm và lòng kính mến của mọi người đối với ông.

+ Nhận xét mối quan hệ giữa các phần trong văn bản: Giữa các đoạn, các phần có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đoạn trước là cơ sở, là tiền đề cho đoạn sau phát triển. Vì vậy, giữa các đoạn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm thể hiện chủ đề của văn bản. Cách sắp xếp đó ta gọi là bố cục của văn bản.

Học sinh rút ra khái niệm bố cục của văn bản.

Học sinh xác định đoạn nào có tư cách là phần mở bài, thân bài, kết bài.

* Gợi ý nhiệm vụ của từng phần trong văn bản.

- Phần mở bài: Nêu ra chủ đề của văn bản.

- Phần thân bài : Có một số đoạn nhỏ nhằm trình bày các khía cạnh của chủ đề.

- Phần kết bài : Tổng kết chủ đề của văn bản.

Phiếu học tập 2(2)

Phần thân bài trong văn bản	Trình tự sắp xếp phần thân bài
<i>Tôi đi học</i>
<i>Trong lòng mẹ</i>
Miêu tả (người, vật, phong cảnh...)
<i>Người thầy đạo cao đức trọng</i>

* Gợi ý

- Phần thân bài văn bản *Tôi đi học* các sự kiện được sắp xếp theo trình tự sự hồi tưởng -> trình tự thời gian.

- Văn bản *Trong lòng mẹ*: Tình thương mẹ, niềm vui sướng cực độ của chú bé Hồng khi được ở trong lòng mẹ. -> trình tự thời gian.

- Khi tả người, vật, phong cảnh, ... theo trình tự. -> Không gian (tả phong cảnh), chính thể – bộ phận (tả người, vật, con vật) hoặc tình cảm,

3 . Một số cách bố trí, sắp xếp bố cục của văn bản thông thường

- Theo trình tự thời gian.
- Theo trình tự không gian.
- Theo sự phát triển của sự việc.
- Theo mạch suy luận.

<p>cảm xúc (tả người). -> Vậy việc sắp xếp nội dung phần thân bài tùy thuộc vào kiểu văn bản, chủ đề, ý đồ giao tiếp của người viết .</p> <p>* Yêu cầu học sinh vận dụng lý thuyết vừa học để làm bài tập trong sách giáo khoa. Xác định các dạng bài tập. Gợi ý: <u>gồm có 2 dạng</u>: - Xác định cách trình bày phần thân bài: bài 1, 2 . - Thực hành cách sắp xếp ý phần thân bài: bài 3.</p> <p>HS đọc kỹ yêu cầu của đề và trả lời theo ý hay bằng bảng đồ tư duy, bảng sơ đồ hóa...</p>	<p>II. <u>Luyện tập</u></p> <p>1. <u>Bài tập 1/ 26</u>: Xác định trình tự trình bày của phân tích. - Theo trình tự không gian. - Theo trình tự thời gian. - Theo mạch suy luận.</p> <p>2. <u>Bài tập 2/ 26</u>: Nếu phải trình bày về lòng thương mẹ của chú bé Hồng ở văn bản <i>Trong lòng mẹ</i>, em sẽ trình bày những ý gì và sắp xếp chúng ra sao. <u>Gợi ý</u>: Trình bày hai ý: - Những ý nghĩ, cảm xúc của chú bé Hồng khi trả lời người cô. - Cảm giác sung sướng cực điểm của chú bé Hồng khi được ở trong lòng mẹ.</p> <p>3. <u>Bài tập 3/ 27</u>: Sắp xếp lại: Đưa phần giải thích lên, phần chứng minh tính đúng đắn đưa xuống dưới.</p>
<p>Hoạt động 2: <u>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học</u>.</p> <p>Lưu ý : Kí hiệu 1: câu nhận biết Kí hiệu 2: câu thông hiểu</p> <p>Học sinh tự hoàn thiện bài làm và nộp phản hồi cho GVBM.</p>	<p>Phiếu học tập 3 (2)</p> <p>Em hãy chọn một bài làm văn bất kì mà em đã tạo lập và nhận xét:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có đủ bố cục 3 phần không? 2. Có phân đoạn phần thân bài theo nội dung không? 3 Cách trình tự trình bày phần thân bài là gì? 4. Nhận xét ưu và khuyết điểm? 5. Cách khắc phục khuyết điểm?

2. Những nội dung HS cần giải đáp

Trường:

Lớp:

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
Ngữ văn	Mục A:	1.

....	Phần B:	2. 3.
------	--------------	----------